TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2019/DS-PT.
Ngày 02/7/2019.
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lương Xuân Lộc.
Các thẩm phán: Ông Dương Thế Vinh.
Bà Phạm Thị Minh Hiền.
- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Hương Mai - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa***: Ông Đặng Văn Thìn - Kiểm sát viên.

Ngày 02/7/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 69/2019/TLPT- DS ngày 12/3/2019 Về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2019/DS-ST ngày 14/01/2019 của Toà án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2019/QĐ-PT ngày 26/4/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn B – SN 1956 (Có mặt)
Địa chỉ: Số nhà A, đường Ng, thôn T, TT. V, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
- *Bị đơn:* Ông Dương Đăng (Văn) T – SN 1966 (Có mặt)
Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*
- Bà Hoàng Thị H – SN 1961
Ủy quyền cho: Ông Nguyễn Văn B – SN 1956 (Có mặt)
Địa chỉ: Số nhà A, đường Ng, thôn T, TT. V, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
- Bà Đỗ Thị M - SN 1968 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang
- *Người kháng cáo:* Ông Dương Đăng (Văn) T - Là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo nguyên đơn ông Nguyễn Văn B trình bày:

Ngày 28/5/2011 ông cho anh Dương Đăng (Văn) T, sinh năm 1966 trú tại thôn Đ, xã Đ, huyện L vay số tiền 113.000.000 đồng để lo việc gia đình, không

thỏa thuận lãi suất, không thỏa thuận thời hạn trả. Ngày 03/3/2013, anh T, chị M viết giấy hẹn đến ngày 20/5/2013 thanh toán trả ông hết số nợ. Mặc dù viết giấy và hẹn trả nợ nhưng vợ chồng anh T vẫn không trả được nên ngày 15/2/2015 anh T lại ký nhận vào "Giấy xin khất nợ tiền vay", lại hẹn đến 01/4/2015 trả tiền. Quá thời hạn như đã hẹn, đến ngày 03/5/2015 anh T mới trả được cho ông 10.000.000đồng. Nay ông yêu cầu Toà án buộc anh Dương Đăng T và chị Đỗ Thị M trả cho ông số tiền vay gốc 103.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật tính từ ngày 28/5/2011 tạm tính đến ngày khởi kiện.

Anh Dương Đăng (Văn) T là bị đơn trình bày:

Ngày 09 tháng 3 năm 2010, ông B vay anh 100.000.000đ. Do chưa tìm thấy giấy vay tiền gốc nên anh chưa đòi ông B số tiền trên. Vì vậy đến tháng 5 năm 2011 anh quyết định vay ông B 100.000.000đ để đối trừ vào số tiền ông B vay anh năm 2010. Anh cho rằng anh và ông B đã đối trừ cho nhau số tiền đã vay của nhau, vì vậy ông B khởi kiện anh số tiền 103.000.000đ và lãi suất theo pháp luật anh không đồng ý. Anh đề nghị ông B thanh toán trả cho anh 100.000.000đ tiền gốc đã vay và 90.000.000đ tiền lãi.

Chị Đỗ Thị M là người có nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn trình bày:

Ngày 28/5/2011 anh T (chồng chị) vay của ông B 103.000.000đồng để làm ăn, kinh doanh. Sau đó chồng chị đã trả được 10.000.000đ. Số tiền còn lại 100.000.000đ chồng chị đối trừ với số tiền 100.000.000đ mà ông B đã vay của chồng chị trước đó. Nay ông B khởi kiện chồng chị yêu cầu thanh toán 103.000.000đ và lãi là 81.370.000đ chị không đồng ý.

Với nội dung nêu trên, bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2019/DS-ST ngày 14/01/2019 của Toà án nhân dân huyện L đã quyết định:

[1]. Điều luật áp dụng:

- Áp dụng các Điều 162, 471, 474, 476, Điều 305 Bộ luật dân sự 2005.
- Áp dụng các Điều 357, 429, 468, 688 Bộ luật dân sự 2015
- Áp dụng các Điều 26, 35; 39, 147, 160, 161, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

[2]. Xử: Buộc vợ chồng anh Dương Đăng (Văn) T, chị Đỗ Thị M phải thanh toán trả vợ chồng ông Nguyễn Văn B, bà Hoàng Thị H số tiền vay gốc 103.000.000đồng và tiền lãi tính đến hết ngày 29/01/2018 (56 tháng 9 ngày) là 43.491.700đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí giám định, quyền yêu cầu thi hành án, lãi suất chậm thi hành án và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 26/01/2019, anh Dương Đăng T là bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 01/2019/DS-ST ngày 14/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay, ông Nguyễn Văn B là nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, anh Dương Đăng (Văn) T là bị đơn kháng cáo không rút kháng cáo. Các đương sự không thoả thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 31/5/2019, Hội đồng xét xử đã tạm ngừng phiên tòa để thực hiện việc giám định theo yêu cầu của anh T và hẹn anh T ngày 07/6/2019 đến Tòa án nộp tạm ứng chi phí giám định và tài liệu so sánh nhưng từ đó đến nay, anh T không đến Tòa làm việc.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay anh T yêu cầu tạm ngừng phiên tòa để yều cầu giám định, ông B là nguyên đơn không chấp nhận yêu cầu của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đối với nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS xử: Không chấp nhận kháng cáo của anh Dương Đăng (Văn) T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến tranh luận tại phiên toà. Sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang. Hội đồng xét xử nhận định:

Xét kháng cáo của anh Dương Đăng (Văn) T, Hội đồng xét xử thấy:

Căn cứ vào lời khai của các đương sự trong vụ án, các tài liệu, chứng cứ do các bên xuất trình và căn cứ vào Kết luận giám định số 1434/KL – KTHT cho thấy ngày 28/5/2011, vợ chồng anh T, chị M có lập giấy biên nhận vay tiền của ông B số tiền là 113.000.000 đồng, không hẹn thời hạn trả và không lãi suất. Ông B đã đòi nhiều lần và đến ngày 15/2/2015 anh T viết giấy xin khất nợ tiền vay hẹn đến ngày 01/4/2015 trả tiền và ngày 03/5/2015 anh T mới trả cho ông B được 10.000.000đ. Do anh T, chị M vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông B khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh T phải trả số nợ gốc còn lại là 103.000.000đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Anh Dương Đăng (Văn) T, chị Vũ Thị M cho rằng đã đối trừ hết số tiền đã vay cho khoản nợ 100.000.000 đồng mà ông B vay của vợ chồng anh theo giấy vay nợ ngày 09/3/2010. Nhưng ngoài lời khai của mình, anh T, chị M không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh. Tại Tòa án cấp sơ thẩm đã yêu cầu anh T nộp tạm ứng án phí sơ thẩm nhưng anh T không nộp, nên Tòa án cấp sơ thẩm không giải quyết là có căn cứ.

Về việc anh T cho rằng Bản giám định số 1434/KL – KTHT không khách quan, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Tại cấp sơ thẩm anh T đã có yêu cầu giám định lại nhưng trong thời hạn quy định, anh T không nộp tạm ứng chi phí giám định để Tòa án thực hiện việc giám định lại. Tại cấp phúc thẩm, anh T đã có yêu cầu giám định lại, Hội đồng xét xử đã tạm ngừng phiên tòa ấn định cho anh T nộp tạm ứng chi phí giám định và tài liệu so sánh nhưng anh T không thực hiện, không đến Tòa án làm việc. Do đó, tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử không chấp nhận tạm ngừng phiên tòa để giám định theo yêu cầu của anh T.

Về nghĩa vụ trả nợ: Căn cứ lời khai của chị Vũ Thị M và giấy khất nợ ngày 03/03/2013 có ký tên chị Vũ Thị M, Tòa án cấp sơ thẩm xác định chị M phải có trách nhiệm cùng anh T trả nợ cho ông B là có căn cứ.

Về tiền lãi: Ông B đề nghị tính lãi theo quy định của pháp luật. Tại giấy vay tiền và giấy khất nợ các đương sự không thỏa thuận về lãi suất. Xét thấy: Giấy vay tiền và giấy khất nợ được ký kết ở thời điểm Bộ luật dân sự năm 2005 đang có hiệu lực pháp luật, vì vậy cần áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết tranh chấp giữa các bên. Tại giấy khất nợ ngày 03/3/2013, anh T, chị M có hẹn đến ngày 20/5/2013 thanh toán trả ông B hết số nợ. Do đó cần căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 474, khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005; căn cứ Quyết định số 2868/QĐ-NHNH ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà n□ớc Việt Nam quy định về mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9,0%/năm tức 0,75%/ tháng, vợ chồng anh T phải trả cho ông B số tiền gốc là 103.000.000 đồng và số tiền lãi tính từ ngày 20/5/2013 (là ngày hẹn trả nợ) đến khi xét xử sơ thẩm (ngày 14/01/2019) là: 56 tháng (23 x 0,75%) + 9 ngày (9 x 0,025%) = 43.491.700đ.

Như vậy, Toà sơ thẩm buộc vợ chồng anh T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho vợ chồng ông B tiền vay gốc còn nợ là 103.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả từ ngày 20/5/2013 đến thời điểm xét xử sơ thẩm là có căn cứ. Nên không có cơ sở để chấp nhận đối với kháng cáo của anh Dương Đăng (Văn) T.

Về chi phí giám định: Anh Dương Đăng T cho rằng chữ ký trong giấy khất nợ, vay tiền không phải do anh viết ra và đề nghị giám định nhưng kết luận giám định đã kết luận đó là chữ ký chữ viết của anh. Do đó anh T phải chịu chi phí giám định.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Dương Đăng T, chị Đỗ Thị M không thuộc trường hợp được miễn án phí, lệ phí Tòa án theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, nên anh T và chị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của anh T không được chấp nhận nên anh T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1, Điều 148- Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1, Điều 29- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26; Điều 147, khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471, Điều 474, khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357, 429, 468, 688 Bộ luật dân sự năm 2015. Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Không chấp nhận kháng cáo của anh Dương Đăng (Văn) T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Buộc vợ chồng anh Dương Đăng (Văn) T, chị Đỗ Thị M phải thanh toán trả vợ chồng ông Nguyễn Văn B, bà Hoàng Thị H số tiền vay gốc 103.000.000đồng và tiền lãi tính đến hết ngày 29/01/2018 (56 tháng 9 ngày) là 43.491.700đồng.

Án phí:

* Về án phí dân sự sơ thẩm: - Anh Dương Đăng (Văn) T, chị Đỗ Thị M phải chịu 7.324.600đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả ông Nguyễn Văn B số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.600.000 đồng tại biên lai thu số AA/2016/0004323 ngày 12/2/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L.

* Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Dương Đăng (Văn) T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí phúc thẩm, nhưng được trừ số tiền 300.000 đồng anh T đã nộp tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số: AA/2018/0006927 ngày 29/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh Dương Đăng (Văn) T đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

[3]. Về chi phí giám định: Anh Dương Đăng (Văn) T phải chịu 4.860.000đ tiền chi phí giám định nhưng được trừ vào số tiền 5.000.000 đồng đã nộp tạm ứng chi phí giám định. Hoàn trả anh Dương Đăng (Văn) T 140.000đ tiền tạm ứng chi phí giám định.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi gửi:
-VKSND tỉnh Bắc Giang;
-Toà án nhân dân huyện L;
-Chi cục THADS huyện L;
-Các đương sự;
-Lưu HS; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Lương Xuân Lộc